

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST.

Ngày: 04-6-2019.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Mai Thị Nhắc.

+ Ông Nguyễn Chí Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Dương Thị Minh H** - Sinh năm: 1959, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Đinh Văn N** - Sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 24/10/2018, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Văn T** - Sinh năm: 1980, địa chỉ: ấp H, xã I, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 04 tháng 6 năm 2016, bà Dương Thị Minh H có cho ông Bùi Văn T vay 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) với lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 20 (hai mươi ngày). Ông T có viết một tờ giấy vay tiền cùng ngày 04 tháng 6 năm 2016. Từ lúc vay tiền cho đến nay thì ông T không trả tiền lãi và chưa trả được khoản nợ gốc nào. Do vậy, bà H yêu cầu ông T phải trả số nợ gốc là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn là ông Bùi Văn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của ông về những nội dung có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản đối với bị đơn là ông Bùi Văn T có địa chỉ tại ấp H, xã I, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Bùi Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 03/6/2019, đồng thời bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Lời trình bày của nguyên đơn về việc có cho ông T vay 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) vào ngày 04 tháng 6 âm lịch năm 2016 là phù hợp với nội dung tờ giấy có ghi việc ông T có mượn tiền của bà H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Ông T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản nào trình bày ý kiến, yêu cầu về việc áp dụng pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án; đồng thời ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông có trả cho bà H được khoản tiền nào, từ đó có đủ cơ sở xác định được: Hiện nay ông T còn thiếu bà H 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, các điều 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Minh H. Cụ thể: Buộc ông Bùi Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Minh H số nợ gốc là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), không tính tiền lãi.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Dương Thị Minh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Bùi Văn T chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì ông Bùi Văn T phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm

thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho bà Dương Thị Minh H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 775.000đ (bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0021944 ngày 12/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.2) Buộc ông Bùi Văn T có nghĩa vụ nộp 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Bà Dương Thị Minh H, ông Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng ngày kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên**